| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TP**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **124**/2020/HSST
Ngày: 30 - 12 - 2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hà Văn Phi.**
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông **Nguyễn Quốc Toản**;
2. Ông **Phạm Công Gia**;

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà **Lương Thị Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 141/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

**Lâm Hữu P**, sinh năm 2000 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp 6, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Quang Đ, sinh năm 1983 và bà Phan Thị T (đã chết); anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là thứ nhất; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/9/2020. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1977 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 6, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Nguyễn Trường P, sinh năm 2003 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 6, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
Đại diện hợp pháp cho cháu P: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1977 (có mặt).

2. Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1982 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 3, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 02/8/2020, Lâm Hữu P đi bộ đến nhà bà Phạm Thị Ngọc T để chơi với con trai bà T là Nguyễn Trường P1. Khi đến nhà bà T, không thấy ai ở nhà nên P đi phòng ngủ của P1. Lúc này, thấy P1 đang ngủ say, trên gường có 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A5, màu xanh nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, P lén lút lấy chiếc điện thoại trên bỏ vào túi áo khoác và đi ra khỏi nhà. Khi về đến nhà, P lấy xe mô tô của bố đang dựng trước nhà và cầm điện thoại di động hiệu OPPO A5, màu xanh đi ra tiệm cầm đồ Hiệp Thảo thuộc xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai để cầm chiếc điện thoại với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, P lấy 1.050.000đ để chuộc lại điện thoại của P đã cầm trước đó, số tiền còn lại P dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Đến ngày 05/8/2020, bà T đã làm đơn tố cáo, Công an xã PT mời P về làm việc và P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trị giá tài sản thiệt hại: Tại Bản kết luận định giá tài sản số 39/KL.HĐĐGTS ngày 12/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TP xác định: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5, màu xanh, đã qua sử dụng. Kết luận về giá trị còn lại của tài sản trên: 4.500.000đ.

Cáo trạng số 134/CT-VKSTP-ĐN ngày 24/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Lâm Hữu P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo. Trên cơ sở phân tích dấu hiệu phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Về tội danh: Bị cáo Lâm Hữu P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về mức hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Lâm Hữu P từ 06 (sáu) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị Ngọc T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm. Vì vậy, đề nghị không xem xét, giải quyết.

Đối với ông Trần Hoàng H là chủ tiệm cầm đồ Hiệp Thảo: Ông H không biết chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A5, màu xanh P đem cầm là tài sản trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý. Về trách nhiệm bồi thường: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho ông H số tiền 1.500.000đ (số tiền ông H đã chi trả cho P để cầm điện thoại). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố.

Bị cáo không tranh luận cũng không bào chữa cho hành vi của mình. Bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì thêm. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TP, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1]. Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của những người khác và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Vào khoảng 07 giờ ngày 02/8/2020, tại nhà bà Phạm Thị Ngọc T thuộc ấp 6, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai, Lâm Hữu P đã có hành vi trộm cắp của bà T 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5, màu xanh trị giá 4.500.000đ.

Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội:

Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi do bị cáo thực hiện không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây bức xúc, lo sợ, hoang mang, dao động, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, cần thiết phải xét xử và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà bị cáo đã gây ra.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhận thức pháp luật của bị cáo còn thấp; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ này để tuyên mức án phù hợp với bị cáo và nhằm nâng cao tính giáo dục pháp luật, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[2.5]. Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng của vụ án là 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5, màu xanh, đã được trao trả cho bị hại là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

[2.6]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Phạm Thị Ngọc T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về trách nhiệm bồi thường đối với ông H: Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông H số tiền 1.500.000đ. Xét việc tự nguyện bồi thường của bị cáo không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Trần Hoàng H số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

[2.7]. Về các vấn đề khác:

Đối với ông Trần Hoàng H là chủ tiệm cầm đồ Hiệp Thảo: Ông H không biết chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A5, màu xanh P đem cầm cố là tài sản trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý là phù hợp.

[2.7]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên bố:** Bị cáo Lâm Hữu P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

**1.** Xử phạt: **Bị cáo Lâm Hữu P 09 (chín) tháng tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

**2.** Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lâm Hữu P phải có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng H số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự.*

**3.** Về án phí: Bị cáo Lâm Hữu P phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

**4.** Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện TP;
- Công an huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Hà Văn Phi**